

**BỘ TÀI CHÍNH**

Số: 107/2008/QĐ-BTC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2008*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số nhóm mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28 tháng 09 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số nhóm mặt hàng quy định tại Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thành các mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định này và áp dụng cho các Tờ khai hải quan hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008.

**Điều 2.** Bãi bỏ mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi áp dụng đối với các mặt hàng thuộc các phân nhóm 04.07, 04.08 và toàn bộ nhóm các mặt hàng mỡ và dầu động vật hoặc thực vật quy định tại Danh mục C Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2007/QĐ-BTC nêu trên.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo./.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**DANH MỤC SỬA ĐỔI THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU MỘT SỐ MẶT HÀNG TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/2008/QĐ-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*



Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
<b>04.07</b>				<b>Trứng chim và trứng gia cầm nguyên vỏ, tươi, đã bảo quản, hoặc đã làm chín.</b>	
				- Để áp, bao gồm để làm giống:	
0407	00	11	00	-- Trứng gà	0
0407	00	12	00	-- Trứng vịt	0
0407	00	19	00	-- Loại khác	0
				- Loại khác:	
0407	00	91	00	-- Trứng gà	30
0407	00	92	00	-- Trứng vịt	30
0407	00	99	00	-- Loại khác	30
<b>04.08</b>				<b>Trứng chim và trứng gia cầm đã bóc vỏ, lòng đỏ trứng, tươi, sấy khô, hấp chín, hoặc luộc chín trong nước, đóng bánh, đông lạnh hoặc bảo quản cách khác, đã hoặc chưa thêm đường hoặc chất ngọt khác.</b>	
				- Lòng đỏ trứng:	
0408	11	00	00	-- Đã sấy khô	20
0408	19	00	00	-- Loại khác	20
				- Loại khác:	
0408	91	00	00	-- Đã sấy khô	20
0408	99	00	00	-- Loại khác	20
<b>15.04</b>				<b>Mỡ và dầu của cá hoặc các loài động vật có vú sống ở biển và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hoá học.</b>	
1504	10			- Dầu gan cá và các phần phân đoạn của chúng:	
1504	10	10	00	-- Thích hợp dùng làm thức ăn cho người	7
1504	10	90	00	-- Loại khác	7
1504	20			- Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, của cá, trừ dầu gan cá:	
1504	20	10	00	-- Các phần phân đoạn thể rắn, không thay đổi về mặt hoá học	7
1504	20	90	00	-- Loại khác	7

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
1504	30			- Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, của các loài động vật có vú sống ở biển:	
1504	30	10	00	- - Các phần phân đoạn thể rắn, không thay đổi về mặt hoá học	7
1504	30	90	00	- - Loại khác	7
1506	00	00	00	<b>Mỡ và dầu động vật khác và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hoá học.</b>	15
15.07				<b>Dầu đậu tương và các phần phân đoạn của dầu đậu tương, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hoá học.</b>	
1507	10	00	00	- Dầu thô, đã hoặc chưa khử chất nhựa	3
1507	90			- Loại khác:	
1507	90	10	00	- - Các phần phân đoạn của dầu đậu tương chưa tinh chế	3
1507	90	20	00	- - Dầu đã tinh chế	25
1507	90	90	00	- - Loại khác	25
15.08				<b>Dầu lạc và các phần phân đoạn của dầu lạc, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi về mặt hoá học.</b>	
1508	10	00	00	- Dầu thô	3
1508	90			- Loại khác:	
				- - Các phần phân đoạn của dầu lạc chưa tinh chế:	
1508	90	11	00	- - - Các phần phân đoạn thể rắn, không thay đổi về mặt hoá học	3
1508	90	19	00	- - - Loại khác	3
				- - Dầu đã tinh chế:	
1508	90	21	00	- - - Các phần phân đoạn thể rắn, không thay đổi về mặt hoá học	25
1508	90	29	00	- - - Loại khác	25
				- - Loại khác:	
1508	90	91	00	- - - Các phần phân đoạn thể rắn, không thay đổi về mặt hoá học	25
1508	90	99	00	- - - Loại khác	25
15.09				<b>Dầu ô liu và các phần phân đoạn của dầu ô liu, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không</b>	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
				<b>thay đổi về mặt hoá học.</b>	
1509	10			- Dầu thô (virgin):	
1509	10	10	00	- - Đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 30 kg	3
1509	10	90	00	- - Loại khác	3
1509	90			- Loại khác:	
				- - Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế:	
1509	90	11	00	- - - Đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 30 kg	3
1509	90	19	00	- - - Loại khác	3
				- - Dầu đã tinh luyện:	
1509	90	21	00	- - - Đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 30 kg	25
1509	90	29	00	- - - Loại khác	25
				- - Loại khác:	
1509	90	91	00	- - - Đóng gói với trọng lượng tịnh không quá 30 kg	25
1509	90	99	00	- - - Loại khác	25
<b>15.10</b>				<b>Dầu khác và các phần phân đoạn của chúng, duy nhất thu được từ ô liu, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng chưa thay đổi về mặt hoá học, kể cả hỗn hợp của các loại dầu này hoặc các phần phân đoạn của các loại dầu này với dầu hoặc phần phân đoạn của dầu thuộc nhóm 15.09.</b>	
1510	00	10	00	- Dầu thô	3
				- Loại khác:	
1510	00	91	00	- - Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh luyện	3
1510	00	92	00	- - Dầu đã tinh luyện	25
1510	00	99	00	- - Loại khác	25
<b>15.11</b>				<b>Dầu cọ và các phần phân đoạn của dầu cọ, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học.</b>	
1511	10	00	00	- Dầu thô	3
1511	90			- Loại khác:	
1511	90	10	00	- - Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh luyện, không thay đổi về mặt hoá học	3
1511	90	90	00	- - Loại khác	25

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
15.12				<b>Dầu hạt hướng dương, dầu cây rum hoặc dầu hạt bông và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học.</b>	
				- Dầu hạt hướng dương, dầu cây rum và các phần phân đoạn của chúng:	
1512	11	00	00	-- Dầu thô	3
1512	19			-- Loại khác:	
1512	19	10	00	--- Các phần phân đoạn của dầu hướng dương hoặc dầu cây rum chưa tinh chế	3
1512	19	20	00	--- Dầu đã tinh chế	25
1512	19	90	00	--- Loại khác	25
				- Dầu hạt bông và các phần phân đoạn của chúng:	
1512	21	00	00	-- Dầu thô, đã hoặc chưa khử gossypol	3
1512	29			-- Loại khác:	
1512	29	10	00	--- Các phần phân đoạn của dầu hạt bông chưa tinh chế	3
1512	29	20	00	--- Dầu đã tinh chế	25
1512	29	90	00	--- Loại khác	25
15.13				<b>Dầu dừa, dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học.</b>	
				- Dầu dừa (copra) và các phần phân đoạn của dầu dừa:	
1513	11	00	00	-- Dầu thô	3
1513	19			-- Loại khác:	
1513	19	10	00	--- Các phần phân đoạn của dầu dừa chưa tinh chế	3
1513	19	20	00	--- Dầu đã tinh chế	25
1513	19	90	00	--- Loại khác	25
				- Dầu hạt cọ hoặc dầu cọ ba-ba-su và các phần phân đoạn của chúng:	
1513	21	00	00	-- Dầu thô	3
1513	29			-- Loại khác:	
				--- Các phần phân đoạn của dầu hạt cọ, dầu cọ ba-ba-su chưa tinh chế:	
1513	29	11	00	---- Các phần phân đoạn thể rắn, không thay đổi về mặt hoá học, của dầu hạt cọ stearin	3

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
				hoặc dầu cọ ba-ba-su	
1513	29	19	00	---- Loại khác	3
				--- Dầu đã tinh chế:	
1513	29	21	00	---- Các phân phân đoạn thể rắn, không thay đổi về mặt hoá học, của dầu hạt cọ stearin hoặc dầu cọ ba-ba-su	25
1513	29	29	00	---- Loại khác	25
				--- Loại khác:	
1513	29	91	00	---- Các phân phân đoạn thể rắn, không thay đổi về mặt hoá học, của dầu hạt cọ stearin hoặc dầu cọ ba-ba-su	25
1513	29	99	00	---- Loại khác	25
<b>15.14</b>				<b>Dầu hạt cải, dầu mù tạt và phân phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học.</b>	
				- Dầu hạt cải hàm lượng axit eruxic thấp và các phân phân đoạn của chúng:	
1514	11	00	00	-- Dầu thô	3
1514	19			-- Loại khác:	
1514	19	10	00	--- Các phân phân đoạn của dầu chưa tinh chế	3
1514	19	20	00	--- Dầu đã tinh chế	5
1514	19	90	00	--- Loại khác	5
				- Loại khác:	
1514	91			-- Dầu thô:	
1514	91	10	00	--- Dầu hạt cải và các phân phân đoạn của chúng	3
1514	91	90	00	--- Loại khác	3
1514	99			-- Loại khác:	
1514	99	10	00	--- Các phân phân đoạn của dầu chưa tinh chế	3
1514	99	20	00	--- Dầu đã tinh chế	25
				--- Loại khác:	
1514	99	91	00	---- Dầu hạt cải và các phân phân đoạn của chúng	25
1514	99	99	00	---- Loại khác	25
<b>15.15</b>				<b>Mỡ và dầu thực vật xác định khác (kể cả dầu jojoba) và các phân phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không</b>	

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
				<b>thay đổi về mặt hoá học.</b>	
				- Dầu hạt lanh và các phần phân đoạn của dầu hạt lanh:	
1515	11	00	00	-- Dầu thô	3
1515	19	00	00	-- Loại khác	10
				- Dầu hạt ngô và các phần phân đoạn của dầu hạt ngô:	
1515	21	00	00	-- Dầu thô	3
1515	29			-- Loại khác:	
				--- Các phần phân đoạn của dầu hạt ngô chưa tinh chế:	
1515	29	11	00	---- Các phần phân đoạn thể rắn, nhưng không thay đổi về mặt hoá học	3
1515	29	19	00	---- Loại khác	3
				--- Loại khác:	
1515	29	91	00	---- Các phần phân đoạn thể rắn, nhưng không thay đổi về mặt hoá học	20
1515	29	99	00	---- Loại khác	20
1515	30			- Dầu thầu dầu và các phần phân đoạn của dầu thầu dầu:	
1515	30	10	00	-- Dầu thô	3
1515	30	90	00	-- Loại khác	10
1515	50			- Dầu hạt vừng và các phần phân đoạn của dầu hạt vừng:	
1515	50	10	00	-- Dầu thô	3
1515	50	20	00	-- Các phần phân đoạn của dầu hạt vừng chưa tinh chế	3
1515	50	90	00	-- Loại khác	25
1515	90			- Loại khác:	
				-- Dầu tengkawang:	
1515	90	11	00	--- Dầu thô	3
1515	90	12	00	--- Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế	3
1515	90	19	00	--- Loại khác	25
				-- Loại khác:	
1515	90	91	00	---- Dầu thô	3
1515	90	92	00	---- Các phần phân đoạn của dầu chưa tinh chế	3
1515	90	99		---- Loại khác:	
1515	90	99	10	---- Dầu tung đã tinh chế	10
1515	90	99	90	---- Loại khác	25

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
15.16				<b>Mỡ và dầu động vật hoặc thực vật và các phần phân đoạn của chúng đã qua hydro hoá, este hoá liên hợp, tái este hoá hoặc eledin hoá toàn bộ hoặc một phần, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng chưa chế biến thêm.</b>	
1516	10			- Mỡ và dầu động vật và các phần phân đoạn của chúng:	
1516	10	10	00	- - Đóng gói với trọng lượng tịnh từ 10 kg trở lên	25
1516	10	90	00	- - Loại khác	25
1516	20			- Mỡ và dầu thực vật và các phần phân đoạn của chúng:	
				- - Mỡ và dầu đã tái este hoá và các phần phân đoạn của chúng:	
1516	20	11	00	- - - Của đậu nành	25
1516	20	12	00	- - - Của dầu cọ, dạng thô	25
1516	20	13	00	- - - Của dầu cọ, trừ dạng thô	25
1516	20	14	00	- - - Của dừa	25
1516	20	15	00	- - - Của dầu hạt cọ	25
1516	20	16	00	- - - Của lạc	25
1516	20	17	00	- - - Của hạt lanh	25
1516	20	18	00	- - - Của ô liu	25
1516	20	19	00	- - - Loại khác	25
				- - Mỡ đã qua hydro hoá dạng lớp, miếng:	
1516	20	21	00	- - - Của dầu cọ, dầu đậu nành, dầu lạc hoặc dầu dừa	25
1516	20	22	00	- - - Của hạt lanh	25
1516	20	23	00	- - - Của ô liu	25
1516	20	29	00	- - - Loại khác	25
1516	20	30	00	- - Stearin hạt cọ đã tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD)	25
1516	20	40	00	- - Stearin hạt cọ hoặc olein đã hydro hoá và tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD)	25
1516	20	50	00	- - Stearin hạt cọ, dạng thô, có chỉ số Iốt không quá 48	25
1516	20	60	00	- - Stearin hạt cọ, dạng thô	25
1516	20	70	00	- - Stearin hạt cọ đã tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD) có chỉ số Iốt không quá 48	25
1516	20	80	00	- - Của stearin hạt cọ khác có chỉ số Iốt không quá 48	25

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
				-- Loại khác:	
1516	20	91	00	--- Cửa dầu cọ, dầu lạc hoặc dầu dừa	25
1516	20	92	00	--- Cửa hạt lanh	25
1516	20	93	00	--- Cửa ô liu	25
1516	20	99	00	--- Loại khác	25
<b>15.17</b>				<b>Margarin, các hỗn hợp và các chế phẩm ăn được làm từ mỡ hoặc dầu động vật hoặc thực vật hoặc các phần phân đoạn của các loại mỡ hoặc dầu khác nhau thuộc Chương này, trừ mỡ hoặc dầu ăn được hoặc các phần phân đoạn của chúng thuộc nhóm 15.16.</b>	
1517	10	00	00	- Margarin, trừ margarin dạng lỏng	20
1517	90			- Loại khác:	
1517	90	10	00	-- Chế phẩm giả ghee	30
1517	90	20	00	-- Margarin dạng lỏng	30
1517	90	30	00	-- Chế phẩm tách khuôn	30
				-- Chế phẩm giả mỡ lợn; shortening:	
1517	90	43	00	--- Shortening	20
1517	90	44	00	--- Chế phẩm giả mỡ lợn	30
				-- Hỗn hợp hoặc chế phẩm khác của mỡ hay dầu thực vật hoặc của các phần phân đoạn của chúng:	
1517	90	50	00	--- Hỗn hợp hoặc chế phẩm ở dạng rắn	30
				--- Hỗn hợp hoặc chế phẩm ở dạng lỏng:	
1517	90	61	00	---- Thành phần chủ yếu là dầu lạc	30
1517	90	62	00	---- Thành phần chủ yếu là dầu cọ	30
1517	90	63	00	---- Thành phần chủ yếu là dầu hạt cọ thô	30
1517	90	64	00	---- Thành phần chủ yếu là dầu hạt cọ đã được tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD)	30
1517	90	65	00	---- Thành phần chủ yếu là dầu hạt cọ olein thô	30
1517	90	66	00	---- Thành phần chủ yếu là dầu hạt cọ olein đã được tinh chế, tẩy và khử mùi (RBD)	30
1517	90	67	00	---- Thành phần chủ yếu là dầu đậu nành	30
1517	90	68	00	---- Thành phần chủ yếu là dầu illipenut	30
1517	90	69	00	---- Loại khác	30
1517	90	90	00	-- Loại khác	30

Mã hàng				Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
25.23				Xi măng Portland, xi măng nhôm, xi măng xỉ (xốp), xi măng super sulfat và xi măng chịu nước (xi măng thủy lực) tương tự, đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanhke.	
2523	10			- Clanhke xi măng:	
2523	10	10	00	- - Để sản xuất xi măng trắng	10
2523	10	90	00	- - Loại khác	10
				- Xi măng Portland:	
2523	21	00	00	- - Xi măng trắng, đã hoặc chưa pha màu nhân tạo	38
2523	29			- - Loại khác:	
2523	29	10	00	- - - Xi măng màu	38
2523	29	90	00	- - - Loại khác	38
2523	30	00	00	- Xi măng nhôm	38
2523	90	00	00	- Xi măng chịu nước khác	38